TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/KDTM – PT
Ngày: 11-11-2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2019/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1004/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: 18 đường Tr, khu đô thị N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân S - Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Quảng Bình (Quyết định uỷ quyền số 697/QĐ-NNoQB-TH ngày 19/6/2018).

Địa chỉ: số 02 đường M1, phường H, thành phố Đ, Quảng Bình.

**** Bị đơn:*** **Công ty TNHH ĐT**;

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty - Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Tiểu khu 1, thị trấn H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Phan Văn Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1976; Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Tiểu khu 1, thị trấn H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

***Người kháng cáo*:** Công ty TNHH ĐT, ông Phan Văn Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng), trình bày:

Công ty TNHH ĐT (gọi tắt là Công ty ĐT) đã ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 433A/2010/HĐTD ngày 08/10/2010: Số tiền cho vay 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 60 tháng; Mục đích vay vốn: Đầu tư hệ thống đường dây điện và đào mới 11 hồ nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát tại bờ biển xã Đ1 và xã T1 - huyện B - tỉnh Quảng Bình.

Phụ lục hợp đồng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung liên quan bao gồm: Phụ lục hợp đồng số 433A/2010/PLHĐ ngày 12/04/2012, Phụ lục hợp đồng số 433A-1/2010/PLHĐ ngày 02/10/2012, Phụ lục hợp đồng số 433A-2/2010/PLHĐ ngày 06/2/2013, Phụ lục hợp đồng số 433A-3/2010/PLHĐ ngày 29/3/2013, Phụ lục hợp đồng số 433A-4/2010/PLHĐ ngày 11/9/2013, Phụ lục hợp đồng số 131/2014/PLHĐ ngày 11/2/2014, Phụ lục hợp đồng số 225-1/2014/PLHĐ ngày 24/7/2014, Phụ lục hợp đồng số 433B/2014/PLHĐ ngày 10/11/2014, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 39-1/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016. Nội dung chính của các Phụ lục hợp đồng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung này là bổ sung tài sản bảo đảm và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

Dư nợ hiện tại 2.100.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm triệu đồng)

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 100/2016/HĐTD ngày 09/8/2016 (Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi bổ sung, Phụ lục hợp đồng liên quan: Hợp đồng tín dụng số 141/2012/HĐTD ngày 12/4/2012, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 216/2015/HĐTD ngày 03/6/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung

số 39/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016, Phụ lục hợp đồng số 141-1/2012/PLHĐ ngày 02/10/2012, Phụ lục hợp đồng số 141A/2012/PLHĐ ngày 14/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 141B/2012/PLHĐ ngày 26/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 141D/2012/PLHĐ ngày 06/2/2013, Phụ lục hợp đồng số 141E/2012/PLHĐ ngày 29/3/2013, Phụ lục hợp đồng số 141F/2012/PLHĐ ngày 11/9/2013, Phụ lục hợp đồng số 131/2014/PLHĐ ngày 11/02/2014, Phụ lục hợp đồng số 225A/2014/PLHĐ ngày 10/11/2014). Số tiền cho vay 13.550.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn hạn mức tín dụng: 12 tháng; Mục đích vay vốn kinh doanh thức ăn nuôi tôm và thanh toán các chi phí phục vụ nuôi tôm.

Dư nợ hiện tại 11.610.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ sáu trăm mười triệu đồng)

Để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty ĐT tại Ngân hàng N- Chi nhánh tỉnh Quảng Bình ông Phan Văn Th - Lê Thị Thu L đã thế chấp các tài sản mang tên ông bà theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay sau:

- Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-1/2010/HĐTC ngày 30/9/2010 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 100-1/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng);

- Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-2/2010/HĐTC ngày 04/10/2010, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 433-2/2011/HĐTC-PL ngày 18/5/2011 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 100-2/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng);

- Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 433-3/2010/HĐTC ngày 29/9/2010 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 39/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng);

- Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-4/2010/HĐTC ngày 29/9/2010, Phụ lục hợp đồng số 433-4/2010/HĐTC-PL ngày 29/11/2010, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 433-4/2010/HĐTC-PL ngày 09/4/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số hợp đồng thế chấp số 100-4/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng);

- Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-5/2010/HĐTC ngày 04/10/2010, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 433-5/2010/HĐTC-PL ngày 09/4/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số hợp đồng thế chấp số 100-5/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng);

- Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 433-7/2010/HĐTC ngày 28/12/2010, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 433-7/2011/HĐTC-PL ngày 18/5/2011 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số hợp đồng thế chấp số 100-7/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng).

Trong quá trình quan hệ tín dụng với Ngân hàng trước đây, Công ty ĐT đã trả nợ gốc lãi đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay, những biến cố bất khả kháng như dịch bệnh đốm trắng năm 2011, siêu bão số 10 và hoàn lưu cơn bão số 11 năm 2013, giá cả đầu ra xuống thấp, sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016…đã dồn dập xảy ra khiến công ty ngày càng khó khăn về sản xuất kinh doanh cũng như tài chính. Trước những rủi ro xảy đến với khách hàng, Ngân hàng đã sử dụng nhiều biện pháp trong cơ chế cho phép để tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như: Cùng chính quyền địa phương xác nhận rủi ro do thiên tai gây ra và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết, điều chỉnh giảm lãi suất tiền vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, cho vay một phần không có tài sản bảo đảm, ưu tiên thu nợ gốc trước lãi sau… Tuy nhiên, với sự nổ lực của cả hai bên đến nay nhưng do tổn thất quá lớn và liên tục khiến Công ty ĐT phải ngừng hoạt động và không có nguồn thu trả nợ ngân hàng. Ngày 14/7/2017 Ngân hàng Chi nhánh Quảng Bình đã có Văn bản cho phép phía bị đơn và người thế chấp là ông Phan Văn Th và bà Lê Thị Thu L có Cam kết lộ trình trả nợ bằng văn bản gửi cho Ngân hàng kể từ ngày 14/7/2017 – 29/7/2017) nhưng Công ty ĐT và ông Phan Văn Th, bà Lê Thị Thu L không thực hiện đúng văn bản trên. Ngân hàng - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn, thông báo vi phạm Hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ gửi đến Công ty ĐT và ông/bà Phan Văn Th – Lê Thị Thu L, cho phép các bên tự bán tài sản để trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Ngân hàng đã tiến hành làm các thủ tục để bán tài sản thông qua Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh Quảng Bình nhưng bên thế chấp không hợp tác. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty ĐT có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Bình tạm tính đến ngày 10/12/2017 với số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí và các khoản phải trả khác là 20.020.806.854 đồng, (Trong đó: dư nợ gốc 13.710.000.000 đồng, dư nợ lãi 6.310.806.854 đồng).

Ngày 20/02/2019 ông Trần Xuân S là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có văn bản điều chỉnh lại yêu cầu khởi kiện với lý do trong quá trình Toà án giải quyết vụ án phía Công ty ĐT và ông Th, bà L đã bán một phần tài sản để trả nợ cho Ngân hàng với số tiền 5.410.000.000đ. Vì vậy, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn phải trả với số tiền 15.907.464.860đ, trong đó nợ gốc 8.311.033.264, nợ lãi 7.596.431.596đ. và tính đến ngày xét xử là: 16.090.541.429 đồng (Trong đó: dư nợ gốc 8.281.033.264 đồng, dư nợ lãi 7.809.508.165 đồng), toàn bộ dư nợ đã phát sinh nợ xấu.

Trường hợp Công ty ĐT và ông/bà Phan Văn Th - Lê Thị Thu L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh tỉnh Quảng Bình, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 749351, số vào sổ cấp GCN: CH 00025, do UBND thành phố Đ cấp ngày 20/4/2010, đứng tên ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 12, thuộc phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quyền sử dụng đất có diện tích 71m^2, đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là Nhà ở 02 tầng.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 627134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01261, do UBND huyện B cấp ngày 30/12/2008, đứng tên ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 22, thuộc thị trấn H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quyền sử dụng đất có diện tích 84m^2, đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là Nhà ở 03 tầng.

+ Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AG 584851, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00269, do UBND huyện B cấp ngày 09/3/2007, đứng tên ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L. Tài sản gắn liền với đất là 19 hồ nuôi tôm tại xã Đ1, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th tại bản tự khai ngày 30/11/2018, đơn trình bày đề ngày 10/4/2019 cho rằng:

Ông thừa nhận Công ty ĐT đã ký kết với Ngân hàng N các hợp đồng tín dụng để vay vốn như nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình hoạt động Công ty luôn thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đúng như cam kết. Tuy nhiên vào năm 2013 hoành lưu trận bảo số 10, 11 năm 2013 đã làm cho các hồ nuôi tôm của Công ty bị thiệt hại nặng nề, toàn bộ tài sản bị thiên tai lấy đi tất cả. Thiệt hại của Công ty chính quyền địa phương và Ngân hàng đều biết, Cán

bộ Ngân hàng đã đưa phóng viên nhà báo về quay phim và phát trực tiếp trên sóng truyền hình. Do Công ty gặp khó khăn nên đã đến Ngân hàng để xin được khoanh nợ, xin được giải ngân vốn, gia hạn các kỳ hạn trả nợ củ. Biết được khó khăn đó nên Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Bình đã có văn bản không số ngày 14/7/2017 với nội dung cho Công ty ĐT và bên thứ ba là vợ chồng ông Phan Văn Th, bà Lê Thị Thu L được trả nợ với lộ trình số tiền phải trả tối thiểu không thấp hơn số lãi phát sinh hàng năm (1,1 tỷ đồng). Thời hạn tối đa phải hoàn thành việc trả nợ là 36 tháng kể từ tháng 8/2017. Sau khi nhận được văn bản của Ngân hàng thì ngày 25/7/2017 Công ty ĐT và bên thứ ba bảo lãnh tài sản thống nhất với cam kết lộ trình trả nợ gửi cho Ngân hàng và từ đó đến nay phía ông và Công ty ĐT đã tích cực phối hợp với Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để trả nợ (có chi tiết trả nợ kèm theo). Vì vậy, ông cho rằng đã thực hiện đúng theo cam kết, việc Ngân hàng đơn phương khởi kiện phí bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nhất trí và đề nghị Ngân hàng tiếp tục thực hiện theo văn bản đã thoả thuận không số ngày 14/7/2017.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 464; Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 281; Điều 282; Điều 351; Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N buộc bị đơn Công ty ĐT phải trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Bình tính đến ngày 24/5/2019 với số tiền: **16.090.541.429 đồng, bao gồm: nợ gốc: 8.281.033.264 đồng, nợ lãi: 7.809.508.165 đồng**, trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 433A/2010/PLHĐ ngày 12/04/2012, Phụ lục hợp đồng số 433A-1/2010/PLHĐ ngày 02/10/2012, Phụ lục hợp đồng số 433A-2/2010/PLHĐ ngày 06/2/2013, Phụ lục hợp đồng số 433A-3/2010/PLHĐ ngày 29/3/2013, Phụ lục hợp đồng số 433A-4/2010/PLHĐ ngày 11/9/2013, Phụ lục hợp đồng số 131/2014/PLHĐ ngày 11/2/2014, Phụ lục hợp đồng số 225-1/2014/PLHĐ ngày 24/7/2014, Phụ lục hợp đồng số 433B/2014/PLHĐ ngày 10/11/2014, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 39-1/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016 là **3.675.289.236 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: dư nợ gốc 2.100.000.000 đồng; dư nợ lãi 1.575.289.236 đồng.**

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 100/2016/HĐTD ngày 09/8/2016 (Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi bổ sung, Phụ lục hợp đồng liên quan: Hợp đồng tín dụng số 141/2012/HĐTD ngày 12/4/2012, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 216/2015/HĐTD ngày 03/6/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 39/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016, Phụ lục hợp đồng số 141-1/2012/PLHĐ ngày 02/10/2012, Phụ lục hợp đồng số 141A/2012/PLHĐ ngày 14/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 141B/2012/PLHĐ ngày 26/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 141D/2012/PLHĐ ngày 06/2/2013, Phụ lục hợp đồng số 141E/2012/PLHĐ ngày 29/3/2013, Phụ lục hợp đồng số 141F/2012/PLHĐ ngày 11/9/2013, Phụ lục hợp đồng số 131/2014/PLHĐ ngày 11/02/2014, Phụ lục hợp đồng số 225A/2014/PLHĐ ngày 10/11/2014) là **12.415.252.193 (Bằng chữ: Mười hai tỷ, bốn trăm mười lăm triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó: dư nợ gốc 6.181.033.264 đồng (trong đó cho vay có tài sản bảo đảm là: 6.145.000.000 đồng, cho vay không có tài sản bảo đảm là 36.033.264 đồng ; dư nợ lãi 6.234.218.929 đồng.**

Trường hợp Công ty ĐT không trả được nợ thì buộc phải xử lý tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng bão lãnh đã ký kết để xử lý tài sản thế chấp còn lại, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 749351, số vào sổ cấp GCN: CH 00025, do UBND thành phố Đ cấp ngày 20/4/2010, đứng tên ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 12, thuộc phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quyền sử dụng đất có diện tích 71m^2, đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là Nhà ở 02 tầng theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-1/2010/HĐTC ngày 30/9/2010 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 100-1/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng);

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 627134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01261, do UBND huyện B cấp ngày 30/12/2008, đứng tên ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 22, thuộc thị trấn H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quyền sử dụng đất có diện tích 84m^2, đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là Nhà ở 03 tầng theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-

2/2010/HĐTC ngày 04/10/2010, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 433-2/2011/HĐTC-PL ngày 18/5/2011 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 100-2/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng)

+ Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AG 584851, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00269, do UBND huyện B cấp ngày 09/3/2007, đứng tên ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L. Tài sản gắn liền với đất là 19 hồ nuôi tôm tại xã Đ1, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 433-4/2010/HĐTC ngày 29/9/2010, Phụ lục hợp đồng số 433-4/2010/HĐTC-PL ngày 29/11/2010, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 433-4/2010/HĐTC-PL ngày 09/4/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số hợp đồng thế chấp số 100-4/2016/HĐSĐBS ngày 27/7/2016 ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông/bà: Phan Văn Th - Lê Thị Thu L (Bên thế chấp) và Công ty ĐT (Bên được cấp tín dụng).

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/5/2019) cho đến khi Công ty ĐT trả hết nợ, hàng tháng Công ty ĐT còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 433A/2010/HĐTD ngày 08/10/2010 – các phụ lục hợp đồng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung liên quan bao gồm: Phụ lục hợp đồng số 433A/2010/PLHĐ ngày 12/04/2012, Phụ lục hợp đồng số 433A-1/2010/PLHĐ ngày 02/10/2012, Phụ lục hợp đồng số 433A-2/2010/PLHĐ ngày 06/2/2013, Phụ lục hợp đồng số 433A-3/2010/PLHĐ ngày 29/3/2013, Phụ lục hợp đồng số 433A-4/2010/PLHĐ ngày 11/9/2013, Phụ lục hợp đồng số 131/2014/PLHĐ ngày 11/2/2014, Phụ lục hợp đồng số 225-1/2014/PLHĐ ngày 24/7/2014, Phụ lục hợp đồng số 433B/2014/PLHĐ ngày 10/11/2014, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 39-1/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016. Nội dung chính của các Phụ lục hợp đồng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung này là bổ sung tài sản bảo đảm và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 100/2016/HĐTD ngày 09/8/2016 (Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi bổ sung, Phụ lục hợp đồng liên quan: Hợp đồng tín dụng số 141/2012/HĐTD ngày 12/4/2012, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 216/2015/HĐTD ngày 03/6/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 39/2016/HĐSĐBS ngày 15/4/2016, Phụ lục hợp đồng số 141-1/2012/PLHĐ ngày 02/10/2012, Phụ lục hợp đồng số 141A/2012/PLHĐ ngày 14/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 141B/2012/PLHĐ ngày 26/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 141D/2012/PLHĐ ngày 06/2/2013, Phụ lục hợp đồng số 141E/2012/PLHĐ ngày 29/3/2013, Phụ lục hợp đồng số 141F/2012/PLHĐ ngày 11/9/2013, Phụ lục hợp đồng số 131/2014/PLHĐ ngày

11/02/2014, Phụ lục hợp đồng số 225A/2014/PLHĐ ngày 10/11/2014) đã ký kết với Ngân hàng – Chi nhánh Quảng Bình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/6/2019, bị đơn Công ty ĐT kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét cụ thể:

Công ty ĐT chịu trách nhiệm nặng nề do dịch bệnh đốm trắng từ năm 2011, siêu bão số 10, số 11 năm 2013, sự cố môi trường biển năm 2016 (Fomusa) trên phạm vi diện rộng. Theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định 55... theo các văn bản trên thì Công ty ĐT là đối tượng được hưởng các cơ chế về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng. Thực tế khi Công ty gặp khó khăn Ngân hàng có cùng chính quyền địa phương xác nhận rủi ro nhưng không xem xét thực hiện áp dụng Nghị định cho Công ty. Quá trình giải quyết sơ thẩm Toà án tỉnh Quảng Bình không tiến hành thu thập chứng cứ, hồ sơ tài liệu từ UBND tỉnh, từ Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài Chính và Thủ tướng chính phủ...

Theo văn bản ngày 14/7/2017 của Ngân hàng N yêu cầu Công ty ĐT và bên thứ ba là ông Phan Văn Th, bà Lê Thị Thu L có cam kết bằng văn bản về việc trả nợ. Ngày 25/7/2017 Công ty ĐT và bên thứ ba đã có văn bản cam kết lộ trình trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng và lộ trình trả nợ hoàn toàn phù hợp với bản đề nghị của Ngân hàng. Sau khi nhận được cam kết của Công ty phía Ngân hàng không có bất kỳ phản đối hay yêu cầu Công ty ĐT và bên thế chấp phải điều chỉnh lại về lộ trình trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã thực hiện theo đúng cam kết đến thời điểm hiện tại Công ty đã trả cho Ngân hàng 5,41 tỷ đồng.

Việc Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Vì vậy, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án số 02/2019/KDTM-ST ngày 24/5/2019 của TAND tỉnh Quảng Bình.

- Ngày 05/6/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét cụ thể:

Theo văn bản ngày 14/7/2017 của Ngân hàng N yêu cầu Công ty ĐT và bên thứ ba là vợ chồng ông Phan Văn Th, bà Lê Thị Thu L có cam kết bằng văn bản về việc trả nợ và cho thời gian phản hồi từ ngày 14 - 29/7/2017. Nếu hết thời gian này mà Công ty ĐT không có văn bản phản hồi thì Ngân hàng mới khởi

kiện. Ngày 25/7/2017 Công ty ĐT và bên thứ ba đã có văn bản cam kết lộ trình trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng và lộ trình trả nợ hoàn toàn phù hợp với văn bản đề nghị của Ngân hàng. Quá trình thực hiện lộ trình trả nợ Công ty đã thực hiện đúng theo cam kết.

Việc Ngân hàng cho rằng Công ty ĐT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là không đúng. Ngoài ra nguyên nhân của việc không trả nợ đúng hạn là do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh đốm trắng, siêu bão số 10, 11 năm 2013... theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP thì Công ty ĐT là đối tượng được hưởng cơ chế về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, khoanh nợ. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng ông không nhất trí. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Văn Th giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng và ông Phan Văn Th thỏa thuận:

- Công ty ĐT có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 9.900.000.000 đồng; trong đó nợ gốc 8.261.033.264 đồng, nợ lãi 1.638.966.736 đồng;

- Thời hạn trả số nợ trên chậm nhất trước ngày 15/01/2020;

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty ĐT phải chịu là: 117.900.000 đồng.

- Trong trường hợp Công ty ĐT không thực hiện đúng thỏa thuận trả đầy đủ số nợ 9.900.000.000 đồng trước ngày 15/01/2020 thì Công ty ĐT có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận thỏa thuận trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty ĐT đã ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh Quảng Bình; tính đến ngày 08/11/2019 còn nợ Ngân hàng số tiền: 16.502.649.582 đồng, bao gồm nợ gốc: 8.261.033.264 đồng, nợ lãi: 8.241.616.318 đồng (có bảng kê chi tiết ngày 08/11/2019).

[2] Ông Phan Văn Th thừa nhận đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh các khoản vay của Công ty ĐT.

[3] Công ty ĐT không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng dẫn đến nợ quá hạn do nguyên nhân gặp sự kiện bất khả kháng như dịch bệnh đốm trắng năm 2011, siêu bão số 10 và hoàn lưu cơn bão số 11 năm 2013, giá cả đầu ra xuống thấp, sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016…

[4] Công ty ĐT có thể là đối tượng được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoanh nợ theo Nghị định 55; tuy nhiên, do Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về cơ chế để khoanh nợ, giảm lãi nên Ngân hàng N không thể tự quyết định khoanh nợ cho Công ty ĐT.

[5] Ngân hàng đã có sự phối hợp trong việc tháo gỡ khó khăn cho Công ty ĐT như: Cùng chính quyền địa phương xác nhận rủi ro do thiên tai gây ra, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, điều chỉnh giảm lãi suất tiền vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, cho vay một phần không có tài sản bảo đảm, ưu tiên thu nợ gốc trước lãi sau.

[6] Về lộ trình trả nợ, ngày 14/7/2017 Ngân hàng có văn bản đồng ý Công ty ĐT phải có lịch trả, số tiền trả theo từng kỳ hàng năm với số tiền phải trả tối thiểu không thấp hơn số lãi phát sinh hàng năm (1,1 tỷ đồng). Thời hạn tối đa hoàn thành việc trả nợ là 36 tháng, kể từ tháng 8/2017 (tức đến tháng 8/2020 phải trả hết nợ) và phải có văn bản cam kết gửi cho Ngân hàng trong thời hạn từ ngày 14/7/2017 đến ngày 29/7/2017. Văn bản đề ngày 25/7/2017 của ông Phan Văn Th, đưa ra lộ trình trả nợ đến năm 2021 mới trả hết số nợ cho Ngân hàng là khác với yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, chưa có thỏa thuận giữa Ngân hàng và Công ty ĐT về lộ trình trả nợ và Ngân hàng tiến hành khởi kiện là không trái pháp luật.

[7] Toà án sơ thẩm buộc Công ty ĐT phải trả số nợ tính đến ngày 24/5/2019 cho Ngân hàng với số tiền 16.090.541.429 đồng, bao gồm: nợ gốc: 8.281.033.264 đồng, nợ lãi: 7.809.508.165 đồng; trường hợp Công ty ĐT không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng bảo đảm đã ký kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, nhằm tạo điều kiện cho Công ty ĐT trả nợ, Ngân hàng đồng ý giảm một phần tiền lãi cho Công ty ĐT với điều kiện trả nợ trước ngày 15/01/2020. Ngân hàng và ông Phan Văn Th (được bà Lê Thị Thu L – Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty ĐT ủy quyền tại hợp đồng ủy quyền ngày 15/4/2016) đã thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau:

- Công ty ĐT có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 9.900.000.000 đồng; trong đó nợ gốc 8.261.033.264 đồng, nợ lãi 1.638.966.736 đồng;

- Thời hạn trả số nợ trên chậm nhất trước ngày 15/01/2020;

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty ĐT phải chịu là:

112.000.000đ + (5.900.000.000đ x 0,1%) = 117.900.000 đồng

- Trong trường hợp Công ty TNHH ĐT không thực hiện đúng thỏa thuận trả đầy đủ số nợ 9.900.000.000 đồng cho Ngân hàng trước ngày 15/01/2020 thì nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH ĐT cho Ngân hàng, việc xử lý tài sản thế chấp và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[9] Xét thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận trên của các đương sự.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, Công ty ĐT và ông Phan Văn Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Công ty TNHH ĐT có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 9.900.000.000 đồng; trong đó nợ gốc: 8.261.033.264 đồng, nợ lãi: 1.638.966.736 đồng;

- Thời hạn trả số nợ trên chậm nhất trước ngày 15/01/2020;

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH ĐT phải chịu là 117.900.000 đồng.

- Trong trường hợp Công ty TNHH ĐT không thực hiện đúng thỏa thuận trả đầy đủ số nợ 9.900.000.000 đồng cho Ngân hàng trước ngày 15/01/2020 thì nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH ĐT cho Ngân hàng, việc xử lý tài sản thế chấp và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH ĐT phải chịu 2.000.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2017/0005195 ngày 06/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Ông Phan Văn Th phải chịu 2.000.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2017/0005196 ngày 06/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự